

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 4 năm 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Trụ

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị V, sinh năm 1995
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Tạ Xuân H, sinh năm 1991
(Vắng mặt)

Điều ĐHKTT tại: Đội 7, xã T, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phùng Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Tạ Xuân H đăng ký kết hôn ngày 31/12/2020 tại UBND xã T, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chị V, anh H về sống tại nhà bố mẹ anh H tại địa chỉ: Đội 7, khu 2, xã T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là anh H đã dẫu chị V về việc đã mắc bệnh sinh lý và bị vô sinh. Ngày 23/7/2021, chị V đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Từ ngày 23/7/2021 đến nay chị V không nhận được sự quan tâm, hỏi thăm từ anh H dù chị V đã gọi điện cũng không bao giờ nghe máy. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Phùng Thị V xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị Phùng Thị V xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Tạ Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Xuân H và chị Phùng Thị V đăng ký kết hôn ngày 31/12/2020 tại UBND xã T, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị V, anh H về sống tại nhà bố mẹ anh H tại địa chỉ: Đội 7, khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ do quan hệ vợ chồng yếu sinh lý. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Chị V vẫn cương quyết ly hôn quan điểm anh H là không ký đơn khởi kiện và không đến Tòa án, không đồng thuận ly hôn. Chị V làm đơn xin ly hôn, anh H không ngăn cấm và không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị Phùng Thị V xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị Phùng Thị V xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết đến thời điểm mở phiên tòa, chị Phùng Thị V và anh Tạ Xuân H vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N - Là mẹ đẻ anh H và mẹ chồng của chị V và đại diện khu dân cư nơi chị V, anh H chung sống cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Phùng Thị V, sinh năm 1995 và anh Tạ Xuân H, sinh năm 1991 đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Đội 7, khu 2, xã T, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị V, anh H về sống tại nhà bà Nga tại địa chỉ: Đội 7, khu 2, xã T, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ những mâu thuẫn nhỏ chưa đến

mức phải ly hôn. Hai bên gia đình cũng đã tiến hành hòa giải nH không thành. Gia đình cũng cho chị V cơ hội suy nghĩ lại nH chị V vẫn bỏ đi về gia đình nhà mẹ đẻ vào ngày 23/7/2021. Từ ngày đó đến nay chị V không trở về và không quan tâm đến anh H.

Nay chị V xin ly hôn anh Tạ Xuân H:

Quan điểm của bà Nga là giải quyết theo đơn của chị V, gia đình không có ý kiến gì.

Quan điểm của khu dân cư là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị V. Chị V được ly hôn với anh Tạ Xuân H.

- Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của anh Tạ Xuân H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến để làm việc nhưng anh H vắng mặt, không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh H và xác minh tại gia đình anh H, chính quyền địa phương thì được biết anh H đang làm việc sáng đi tối về nên không đến Tòa án làm việc được và mọi văn bản giấy tờ của Tòa án anh H đều nhận được. Hơn nữa chị V đã có đơn không tiến hành hòa giải cho nên Tòa án không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 15/3/2022 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh H và anh H vẫn vắng mặt tại phiên xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không có lý do, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị V là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị V và anh Tạ Xuân H đăng ký kết hôn ngày 31/12/2020 tại UBND xã T, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn chị V, anh H được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị V, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị V trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ngày 23/7/2021, chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị V và anh H không quan tâm đến nhau. Nay chị V xin ly hôn, quan điểm của anh H là không ký đơn khởi kiện và không đến Tòa án, không đồng thuận ly hôn. Chị V làm đơn xin ly hôn, anh H không ngăn cấm và không có ý kiến gì. Qua việc lấy lời khai của bà Nga - Mẹ đẻ của anh H, mẹ chồng chị V và xác minh tại khu dân cư cũng xác định: Chị V và anh H có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H yếu sinh lý. Nhiều lần Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến để làm việc tuy nhiên anh H không đến, anh H đã từ bỏ quyền được hòa giải.

Hội đồng xét xử khẳng định, mâu thuẫn giữa chị V, anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị V được ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3]. *Về con chung*: Chị Phùng Thị V và anh Tạ Xuân H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, về nợ chung và công sức đóng góp*: Chị Phùng Thị V và anh Tạ Xuân H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Do yêu cầu của chị V được chấp nhận nên chị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị V, cho chị Phùng Thị V được ly hôn với anh Tạ Xuân H.

2. Về con chung: Chị Phùng Thị V và anh Tạ Xuân H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung và công sức đóng góp: Chị Phùng Thị V và anh Tạ Xuân H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Chị Phùng Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Xác nhận chị Phùng Thị V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009651 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tp Việt Trì;
- Chi cục THADS tp Việt Trì;
- UBND xã T, tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ,
- T. Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu VP, HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Thanh Huyền

